TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 1186/2018/HNGĐ-PT Ngày: 20/12/2018 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Trần Thị Lệ Uyên**

2/ Ông **Lê Thọ Viên**

- Thư ký phiên toà: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông **Hồ Văn Cảm** – Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12/11/2018 về việc "Ly hôn";

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1320/2018/HNGĐ-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6012/2018/QĐ-PT ngày 04/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Sử Thị Hồng L**, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: số 754/11 đường D, tổ F, ấp G, xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: số 171 ấp 5, xã A, huyện E, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 754/11 đường D, tổ F, ấp G, xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: ông Lê Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Sử Thị Hồng L trình bày: Bà và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn ông bà sống chung tại nhà mẹ chồng ở xã H, huyện I. Trong thời gian chung sống, bà và ông B không có hạnh phúc do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, khác biệt về cách sống. Ông B đam mê cờ bạc, rượu chè, không lo được cuộc sống của vợ con, bà và ông B thường xuyên cãi vã nên gia đình mất hạnh phúc. Mặc dù ông B hiện tại không còn cờ bạc nhưng vợ chồng đã ly thân từ 03 năm nay. Bà đã đưa con về quê ở tỉnh Bến Tre để sinh sống. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông B.

Về con chung: có 01 người con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 21/01/2010. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà L xác định không có.

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:

Ông và bà Sử Thị Hồng L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn thì sống chung tại nhà số 754/11 đường D, tổ F, ấp G, xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng không có. Ông có nguyện vọng được hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Về con chung: có 01 người con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 21/01/2010. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con vì ông có khả năng nuôi con và bà L đi hợp tác lao động tại nước Malaysia.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông B xác định không có.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1320/2018/HNGĐ-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện I đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Sử Thị Hồng L được ly hôn ông Lê Văn B.

Kể từ ngày 03/10/2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2008 cho bà Sử Thị Hồng L và ông Lê Văn B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 21/01/2010. Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Ghi nhận sự tự nguyện của bà L tạm thời không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/10/2018, ông Lê Văn B có đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1320/2018/HNGĐ-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi về con chung. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung vì bà L thường xuyên đi lao động nước ngoài không đủ khả năng chăm sóc con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Sử Thị Hồng L yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm về phần giải quyết việc nuôi con chung. Mặc dù 03 năm nay ông B không cấp dưỡng nuôi con nhưng bà vẫn nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt. Bà hiện ở Bến Tre, làm nghề làm tóc không có đi lao động ở nước ngoài như ý kiến của ông B.

Bị đơn ông Lê Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc giải quyết nuôi con chung. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì bà L đi làm ở nước ngoài không trực tiếp chăm sóc con, ông muốn đưa con về Củ Chi để nuôi con tốt hơn. Nếu được nuôi con ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: xét từ khi vợ chồng sống ly thân vào năm 2015 đến nay, bà L trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc con. Người con chung được học hành, phát triển thể chất lẫn tinh thần. Trẻ có nguyện vọng chọn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ, nên để trẻ tiếp tục sống với mẹ. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên như án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn B làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn B về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về con chung: Lời khai ông B, bà L cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân đôi bên có 01 người con chung tên Lê Như Q (giới tính nữ), sinh ngày 21/01/2010. Án sơ thẩm tuyên xử giao người con chung cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm ý kiến ông B không đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con vì bà L thường xuyên đi lao động ở nước ngoài không thể chăm sóc con tốt. Nếu được nuôi con, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét, nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con của ông B và bà L đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Nhưng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện về tinh thần lẫn thể chất và được sống ổn định, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hiện tại người con đang sống cùng bà L ở Bến Tre, được bà L chăm sóc tốt, trẻ được đi học và phát triển bình thường. Bà L có công việc ổn định, có thu nhập để nuôi con. Tại bản tự khai ngày 27/8/2018, người con chung Lê Như Q (đã đủ từ 07 tuổi trở lên) có nguyện vọng chọn sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao người con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B cho rằng bà L thường xuyên đi lao động ở nước ngoài, ít có thời gian chăm sóc con. Tuy nhiên, ông B không xuất trình được chứng cứ nào cho thấy bà L không đảm bảo được thời gian chăm sóc con hay không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giao cho bà L trực tiếp nuôi người con chung để đảm bảo sự ổn định của con. Hiện tại người con chung đang ở với mẹ, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận.

Xét, án sơ thẩm đã cân nhắc xem xét toàn diện căn cứ theo quy định pháp luật. Do vậy cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc trực tiếp nuôi con của ông B nên giữ nguyên quyết định về phần con chung của cấp sơ thẩm. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà L tạm thời chưa yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn B; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên xử:

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 21/01/2010. Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà L tạm thời không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Sử Thị Hồng L phải chịu, cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0033137 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Lê Văn B phải chịu, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0033536 ngày 17/10/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Toà án nhân dân huyện I,TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện I,TPHCM;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN **THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên **Lê Thọ Viên** **Trần Thị Nhung**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Toà án nhân dân huyện Củ Chi,TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi,TPHCM;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Toà án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, TPHCM;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA